

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC
TRUNG ƯƠNG

Số: 1230/VKNTTW-VTTTB
V/v báo giá thiết bị phân tích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp thiết bị phân tích

Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương có nhu cầu mua sắm một số thiết bị phân tích phục vụ công tác chuyên môn, cụ thể như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Máy đo pH	Phụ lục 1	Cái	01
2	Cân kỹ thuật (độ chính xác 10^{-3} , khối lượng cân tối đa ≥ 620 g)	Phụ lục 2	Cái	01
3	Máy nghiền mẫu	Phụ lục 3	Cái	01

Để có căn cứ xây dựng giá dự toán mua sắm, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi báo giá các phụ kiện thay thế như trên, yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Giá chào hàng thống nhất là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ); giá chào hàng là giá bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, kiểm tra tại Phòng thí nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương và các chi phí liên quan khác (nếu có);

- Đơn vị có thể chào 1 hoặc nhiều danh mục theo yêu cầu;

- Báo giá phải ghi rõ thông số về model, hãng sản xuất, xuất xứ, số lượng và cấu hình cung cấp của hàng hóa chào giá;

- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá;

- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định;

- Báo giá được đóng dấu niêm phong của đơn vị báo giá và gửi về Phòng Vật tư Trang thiết bị - Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương (Địa chỉ: Số 48 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội) trước ngày **10/01/2025**.

Các đơn vị cần tìm hiểu thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Phòng Vật tư Trang thiết bị - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương theo số điện thoại: 024.38256906.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (đăng website của Viện);
- Lưu: VT, VTTTB.



Nguyễn Đăng Lâm

PHỤ LỤC 1. TÍNH NĂNG KỸ THUẬT MÁY ĐO PH

(Kèm theo công văn số 1230/VKNTTW-VTTTB ngày 31/12/2024 của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương)

I. YÊU CẦU CHUNG

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau.
- Thiết bị phải được sản xuất tại chính hãng.
- Nhiệt độ hoạt động tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$; độ ẩm tối đa $\geq 80\%$
- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz.

II. YÊU CẦU CẤU HÌNH

Máy đo pH phải bao gồm các bộ phận chính sau:

1. Máy đo pH : 01 bộ
2. Điện cực đo pH : 01 bộ
3. Giá đỡ điện cực : 01 bộ
4. Máy in : 01 bộ
5. Các phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo

III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

1. Máy chính

❖ Các yêu cầu kỹ thuật

Thang đo	
- pH	- $\leq 0 \div \geq +14$
- mV	- $\geq \pm 1200 \text{ mV}$
- Nhiệt độ	- $\leq 0^{\circ}\text{C} \div \geq 80^{\circ}\text{C}$
Độ phân giải	
- pH	- $\leq 0,001 \text{ pH}$
- mV	- $\leq 0,1 \text{ mV}$
- Nhiệt độ	- $\leq 0,1^{\circ}\text{C}$
Độ chính xác (Độ đúng)	
- pH	- $\leq \pm 0,003 \text{ pH}$
- mV	- $\leq \pm 0,2 \text{ mV}$
- Nhiệt độ	- $\leq \pm 0,2^{\circ}\text{C}$ (trên toàn dải đo)

❖ Tính năng

Hiệu chuẩn	<ul style="list-style-type: none">- ≥ 5 điểm hiệu chuẩn- Tự động nhận diện một số dung dịch đệm chuẩn.- Cài đặt được giá trị cho các dung dịch đệm chuẩn khác.
Hệ thống	<ul style="list-style-type: none">- Có khả năng chống nước, chống bụi ở mức IP 67 trở lên.- Có màn hình màu: Hiển thị đồng thời giá trị pH, nhiệt độ và ngày, giờ trên màn hình đo.- Ngôn ngữ: tiếng Anh- Có tính năng bù nhiệt tự động- Có khả năng đo pH đồng thời ≥ 02 mẫu và hiển thị tất cả kết quả đo trên màn hình.- Có khả năng tự chuẩn đoán trực trực và thông báo sự cố- Lưu được kết quả vào bộ nhớ máy- Bộ nhớ lưu được ≥ 10000 kết quả đo.- Có thể kết nối với máy tính, máy in và in ra được toàn bộ dữ liệu đo

2. Điện cực đo pH

- Điện cực pH tổ hợp có sensor nhiệt độ tương thích với máy chính, bao gồm cả dây cáp và các đầu nối cho điện cực.
- Khoảng đo pH: $0 \div \geq + 14$
- Khoảng đo nhiệt độ: $0 \div \geq + 80^{\circ}\text{C}$

- Dung dịch điện ly: KCl 3M

3. Bộ giá đỡ điện cực

- Bao gồm: kẹp vòng, thanh đỡ, đầu giữ điện cực.
- Giữ điện cực ở vị trí phù hợp khi đo pH

4. Máy in

- Máy in nhiệt
- Kết nối được với máy chính để in dữ liệu
- Nội dung in ra trên giấy: Thời gian đo (ngày/tháng/năm; giờ/phút/giây), model của thiết bị, nội dung cal máy, nhiệt độ và pH của mẫu đo.

5. Các phụ kiện cho máy hoạt động

- Dung dịch bảo quản điện cực KCl 3M: ≥ 500 ml.
- Cáp nối giữa máy chính và máy in.
- Giấy in có kích thước phù hợp với máy in: ≥ 05 cuộn
- Có đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn để thiết bị hoạt động được

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị phải được bảo hành tối thiểu 12 tháng
- Nhà thầu phải có khả năng và cam kết thực hiện bảo trì, cung cấp linh phụ kiện sau bảo hành và dịch vụ sửa chữa sau bán hàng tối thiểu là 10 năm.
- Cung cấp báo giá linh kiện tiêu hao, linh kiện thay thế của thiết bị.
- Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ xuất xứ hàng hoá (CO) và chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) khi bàn giao thiết bị.
- Nhà thầu phải thẩm định lắp đặt (IQ), vận hành (OQ) và hiệu năng (PQ) và phải hướng dẫn sử dụng khi bàn giao thiết bị tại phòng thí nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương. Toàn bộ chi phí thẩm định và hướng dẫn sử dụng do Nhà thầu chịu.
- Thời gian giao hàng không quá 03 tháng.
- Trong thời gian bảo hành, cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu sẽ có mặt trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo về sự cố của thiết bị để giải quyết và khắc phục sự cố.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật (Catalog) bằng tiếng Anh và Hướng dẫn sử dụng tóm tắt bằng tiếng Việt.
- Có giấy chứng nhận hiệu chuẩn máy có thời hạn không dưới 9 tháng tính từ ngày nhận thiết bị

PHỤ LỤC 2. TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
CÂN KỸ THUẬT (ĐỘ CHÍNH XÁC 10^{-3} , KHỐI LƯỢNG CÂN TỐI ĐA ≥ 620 G)
*(Kèm theo công văn số 1230/VKNTTW-VTTTB ngày 31/12/2024 của Viện Kiểm
nghiệm thuốc Trung ương)*

I. YÊU CẦU CHUNG

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau.
- Thiết bị phải được sản xuất tại chính hãng.
- Nhiệt độ hoạt động tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$; độ ẩm tối đa $\geq 80\%$
- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz.

II. YÊU CẦU CẤU HÌNH

Cân kỹ thuật (độ chính xác 10^{-3} , khối lượng cân tối đa ≥ 620 g) kèm phụ kiện tiêu chuẩn:
01 cái, bao gồm

1. Máy chính : 01 cái
2. Máy in : 01 cái
3. Các phụ kiện cho máy hoạt động

III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

2. Máy chính

❖ Các yêu cầu kỹ thuật

- Màn hình cảm ứng
- Tải trọng tối đa: ≥ 600 g
- Khả năng đọc: ≤ 1 mg
- Độ tuyến tính: ≤ 2 mg
- Độ lặp lại: ≤ 1 mg
- Khối lượng cân nhỏ nhất ($U = 1\%$) ≤ 500 mg.
- Thời gian ổn định: $\leq 1,5$ giây.
- Hiệu chuẩn: Chuẩn nội và chuẩn ngoại.
- Tự động hiệu chỉnh nội theo thời gian cài đặt và khi có thay đổi về nhiệt độ.

❖ Tính năng

- Có cảnh báo khi cân không cân bằng.
- Có chức năng bảo vệ quá tải.
- Có thể đặt tên cho mẫu.
- Có thể kết nối với phần mềm quản lý thiết bị: cho phép thu thập dữ liệu của ≥ 03 cân, xem lại kết quả và lọc theo ngày, thiết bị, người dùng hoặc mẫu.
- Kết nối và chuyển dữ liệu qua cổng USB, RS232.
- Có chức năng phân quyền quản lý người sử dụng ≥ 4 cấp độ.
- Thiết kế bảo vệ cân khỏi bụi bẩn và hóa chất.

2. Máy in: 01 cái

- Kết nối được với cân.
- Chất lượng in: bền màu.
- Kết quả in ra trên giấy cân: hiển thị thời gian cân (ngày/tháng/năm; giờ/phút), model của thiết bị, nội dung cal cân, khối lượng cân, đơn vị cân.
- Tốc độ in: ≥ 2 dòng/giây

3. Các phụ kiện cho máy hoạt động

- Cáp nối giữa cân và máy in.
- Giấy in có kích thước phù hợp với máy in: ≥ 05 cuộn
- Có đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn để thiết bị hoạt động được

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị phải được bảo hành tối thiểu 12 tháng
- Nhà thầu phải có khả năng và cam kết thực hiện bảo trì, cung cấp linh phụ kiện sau bảo hành và dịch vụ sửa chữa sau bán hàng tối thiểu là 10 năm.
- Cung cấp báo giá linh kiện tiêu hao, linh kiện thay thế của thiết bị.

- Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ xuất xứ hàng hoá (CO) và chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) khi bàn giao thiết bị.
- Nhà thầu phải thẩm định lắp đặt (IQ), vận hành (OQ) và hiệu năng (PQ) và phải hướng dẫn sử dụng khi bàn giao thiết bị tại phòng thí nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương. Toàn bộ chi phí thẩm định và hướng dẫn sử dụng do Nhà thầu chịu.
- Thời gian giao hàng không quá 03 tháng.
- Trong thời gian bảo hành, cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu sẽ có mặt trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo về sự cố của thiết bị để giải quyết và khắc phục sự cố.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật (Catalog) bằng tiếng Anh và Hướng dẫn sử dụng tóm tắt bằng tiếng Việt.
- Có giấy chứng nhận hiệu chuẩn máy có thời hạn không dưới 9 tháng tính từ ngày nhận thiết bị

PHỤ LỤC 3. TÍNH NĂNG KỸ THUẬT MÁY NGHIÊN MẪU

(Kèm theo công văn số 1230/VKNTTW-VTTTB ngày 31/12/2024 của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương)

I. YÊU CẦU CHUNG

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi.
- Nhiệt độ hoạt động cho phép $\leq 5^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 40^{\circ}\text{C}$; độ ẩm tương đối cho phép $\geq 80\%$.
- Điện áp sử dụng: 220- 240, tần số: 50/60Hz.

II. YÊU CẦU CẤU HÌNH

Máy nghiền mẫu kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ.

1. Máy chính: 01 cái
2. Buồng nghiền chất liệu thép không gỉ: 02 cái gồm:
 - 01 cái loại 40 ml
 - 01 cái loại 100 ml
3. Buồng nghiền chất liệu nhựa: 02 cái gồm:
 - 01 cái loại 40 ml
 - 01 cái loại 100 ml
4. Phụ kiện tiêu chuẩn cần thiết khác

III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

1. Máy chính

- Màn hình OLED (có khả năng hiển thị mã lỗi).
- Có chức năng hẹn giờ, có thể điều chỉnh từ ≤ 5 giây đến ≥ 3 phút.
- Có kết nối USB có thể kiểm soát và ghi lại các thông số.
- Hoạt động theo khoảng thời gian tùy chọn.
- Tốc độ được điều chỉnh vô hạn từ ≤ 5000 đến ≥ 25000 vòng/ phút.
- Có nhiều chế độ hoạt động khác nhau.
- Điều chỉnh được tốc độ và thời gian an toàn.
- Chương trình vận hành có thể được lập trình và lưu trữ.
- Bàn phím màng
- Tốc độ vòng quay tối đa: ≥ 65 m/s.
- Sử dụng phù hợp cho mẫu nghiền có độ cứng ≥ 5 Mohs.
- Dùng được cho mẫu có kích thước (dài cạnh) ≥ 10 mm.
- Mẫu có thể được làm mát trong buồng nghiền bằng đá khô.
- Nguyên tắc hoạt động: cắt/ đập.
- Độ lệch tốc độ cho phép: $\pm \leq 2\%$.

2. Buồng nghiền mẫu chất liệu thép không gỉ

- Phù hợp với thân máy.
- Dung tích buồng nghiền: 40 ml và 100 ml.
- Chất liệu buồng nghiền: thép không gỉ AISI 316L.
- Chất liệu dao: thép không gỉ AISI 301.
- Chịu được tốc độ tối đa của thân máy: $\geq 25\ 000$ vòng/ phút.
- Sử dụng phù hợp cho mẫu nghiền có độ cứng ≥ 5 Mohs.
- Dùng được cho mẫu có kích thước (dài cạnh) ≥ 10 mm.
- Nhiệt độ tối đa chịu được: $\geq 125^{\circ}\text{C}$

3. Buồng nghiền mẫu chất liệu nhựa

- Phù hợp với thân máy.
- Dung tích buồng nghiền: 40 ml và 100 ml.
- Chất liệu: Polypropylen (PP).
- Chất liệu dao: thép không gỉ AISI 301.
- Chịu được tốc độ tối đa của thân máy: $\geq 25\ 000$ vòng/ phút.
- Sử dụng phù hợp cho mẫu nghiền có độ cứng ≥ 5 Mohs.
- Dùng được cho mẫu có kích thước (dài cạnh) ≥ 10 mm.

4. Phụ kiện tiêu chuẩn cần thiết khác
- Phù hợp với thiết bị.

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị phải được bảo hành tối thiểu 24 tháng.
- Nhà thầu cam kết có khả năng bảo trì và cung cấp linh phụ kiện sau bảo hành và dịch vụ sửa chữa sau bán hàng
- Cung cấp báo giá linh kiện tiêu hao, linh kiện thay thế của thiết bị.
- Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ xuất xứ hàng hoá (CO) và chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) khi bàn giao thiết bị.
- Nhà thầu phải hướng dẫn sử dụng khi bàn giao thiết bị tại phòng thí nghiệm bên mua. Toàn bộ chi phí hướng dẫn sử dụng do Nhà thầu chịu.
- Thời gian giao hàng ≤ 2 tháng.
- Nhà thầu cam kết trong thời gian bảo hành, cán bộ kỹ thuật sẽ có mặt trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo về sự cố của thiết bị để giải quyết và khắc phục sự cố.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật (Catalog) bằng tiếng Anh và Hướng dẫn sử dụng tóm tắt bằng tiếng Việt.

